

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
						Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bằng chữ	
1	2	3	5	6	7	8	9		11=(8+9+10)	12=(11:10)	13	14	15
1	001	Nguyễn Thị An	15/03/2004	K55D20BRB	Ninh Bình	9	39	12	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
2	002	Tạ Khánh An	28/04/2005	K1HLTT BR	Hà Nội	6	46	12	64	6.40	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
3	003	Dương Quý An	30/03/2005	K56D21BCA	Sơn La	10	49	12	71	7.10	7.0	Bảy điểm	Đạt
4	004	Nguyễn Duy Anh	29/12/2005	K56D21BL	Hà Nội	9	48	12	69	6.90	7.0	Bảy điểm	Đạt
5	005	Phạm Sơn Anh	23/04/2004	K55D20VOA	Hà Nội	10	47	14	71	7.10	7.0	Bảy điểm	Đạt
6	006	Bùi Cao Quang Anh	27/07/2005	K56D21BĐA	An Giang	13	52	14	79	7.90	8.0	Tám điểm	Đạt
7	007	Bùi Quốc Anh	27/11/2005	K56D21BL	Ninh Bình	13	49	10	72	7.20	7.0	Bảy điểm	Đạt
8	008	Nguyễn Học Duy Anh	10/04/2005	K56D21BR	Hà Nội	10	48	12	70	7.00	7.0	Bảy điểm	Đạt
9	009	Lưu Thị Ngọc Anh	02/03/2005	K56D21CL	Bắc Ninh							Hoãn thi	
10	010	Nguyễn Gia Bảo	01/06/2005	K56D21BĐA	Hung Yên	11	48	10	69	6.90	7.0	Bảy điểm	Đạt
11	011	Trần Quý Bảo	28/04/2005	K56D21CL	Tuyên Quang	7	44	12	63	6.30	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
12	012	Đình Thị Bích	25/11/1997	K53D18ĐK	Ninh Bình	13	56	8	77	7.70	7.5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
13	013	Nguyễn Thị Hồng Bích	09/07/2005	K56D21ĐK	Ninh Bình	12	47	8	67	6.70	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
14	014	Đình Thế Công	31/10/2005	K1HLTT BĐB	Hoà Bình	14	35	10	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
15	015	Vũ Thành Công	19/04/2003	K55D20BRA	Lào Cai	13	36	12	61	6.10	6.0	Sáu điểm	Đạt
16	016	Đình Xuân Cương	07/08/2004	K55D20BĐA	Phú Thọ	12	35	12	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
17	017	Lò Mạnh Cường	21/11/2003	K56D21BR	Thanh Hoá	12	36	10	58	5.80	6.0	Sáu điểm	Đạt
18	018	Nguyễn Quỳnh Châm	25/11/2005	K56D21CL	Phú Thọ	12	35	12	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
19	019	Vũ Thị Minh Châu	30/10/2005	K1HLTT CL	Thanh Hoá	9	48	14	71	7.10	7.0	Bảy điểm	Đạt
20	020	Đình Khánh Chi	19/03/2005	K1HLTT BR	Cao Bằng							Vắng thi	
21	021	Trần Bảo Chiến	13/09/2005	K56D21BR	Tuyên Quang	10	44	10	64	6.40	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
22	022	Hoàng Thị Chúc	28/09/2005	K56D21TD	Lào Cai	13	50	10	73	7.30	7.5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
23	023	Đỗ Mạnh Dũng	17/02/2005	K1HLTT CL	Hà Giang	14	55	12	81	8.10	8.0	Tám điểm	Đạt
24	024	Trần Ngọc Dũng	16/07/2004	K55D20BLA	Hà Nội	11	42	12	65	6.50	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
25	025	Lê Tuấn Dũng	09/03/2004	K55D20BLB	Hà Nội	10	49	14	73	7.30	7.5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
26	026	Nguyễn Tiến Dũng	25/07/2005	K56D21BR	Ninh Bình	10	48	12	70	7.00	7.0	Bảy điểm	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
							Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bằng chữ	
1	2	3		5	6	7	8	9		$11=(8+9+10)$	$12=(11:10)$	13	14	15
27	027	Trần Văn	Duy	04/05/2004	K55D20BCA	Phú Thọ	9	49	10	68	6.80	7.0	Bảy điểm	Đạt
28	028	Bùi Khánh	Duy	17/11/2005	K56D21ĐK	Phú Thọ	10	49	8	67	6.70	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
29	029	Phạm Thế	Duyệt	26/01/2004	K55D20BLB	Hung Yên	9	50	10	69	6.90	7.0	Bảy điểm	Đạt
30	030	Nguyễn Duy	Dương	14/02/2005	K56D21BĐA	Hà Nội	10	50	8	68	6.80	7.0	Bảy điểm	Đạt
31	031	Phạm Đình	Dương	30/10/2005	K56D21BCA	Hải Phòng	11	46	12	69	6.90	7.0	Bảy điểm	Đạt
32	032	Đặng Ngọc	Dương	06/01/2005	K56D21BR	Hung Yên	14	32	14	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
33	033	Lò Văn	Đại	01/01/2005	K56D21BCA	Điện Biên	15	32	vpqct				Vì phạm QCT	
34	034	Bùi Tiến	Đạo	14/09/2000	K56D21BCB	Phú Thọ	19	37	14	70	7.00	7.0	Bảy điểm	Đạt
35	035	Kiều Đức	Đạt	12/02/2004	K2GDTC	Hà Nội							Vắng thi	
36	036	Hoàng Văn	Đông	12/03/2005	K56D21ĐK	Hà Giang	19	42	14	75	7.50	7.5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
37	037	Hoàng Gia	Đức	15/11/2004	K55D20BRA	Hải Phòng	17	31	12	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
38	038	Dương Quang	Đức	11/06/2005	K56D21BCA	Thái Nguyên	17	41	14	72	7.20	7.0	Bảy điểm	Đạt
39	039	Bùi Minh	Đức	02/10/2004	K56D21VO	Thanh Hoá	14	35	12	61	6.10	6.0	Sáu điểm	Đạt
40	040	Nguyễn Nguyên	Giáp	18/12/2003	K55D20QV	Hà Nội	18	33	10	61	6.10	6.0	Sáu điểm	Đạt
41	041	Thùng Văn	Hà	26/01/2004	K55D20BCA	Điện Biên	16	32	12	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
42	042	Bùi Việt	Hà	23/10/2005	K56D21TD	Thanh Hoá	15	38	14	67	6.70	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
43	043	Đặng Hữu Chí	Hải	13/12/2005	K1HLTT VO	Nghệ An	17	43	12	72	7.20	7.0	Bảy điểm	Đạt
44	044	Đỗ Đức	Hải	01/05/2005	K56D21ĐK	An Giang	17	52	14	83	8.30	8.5	Tám điểm rưỡi	Đạt
45	045	Phạm Đức	Hiếu	28/06/2005	K1HLTT BC	Thanh Hoá	18	46	10	74	7.40	7.5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
46	046	Lê Ngọc	Hoàn	22/08/2004	K55D20VOA	Hà Nội	17	41	12	70	7.00	7.0	Bảy điểm	Đạt
47	047	Đỗ Việt	Hoàn	04/06/2005	K56D21BĐA	Ninh Bình	17	46	12	75	7.50	7.5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
48	048	Đoàn Việt	Hoàng	06/01/2005	K1HLTT BC	Thái Nguyên	15	31	12	58	5.80	6.0	Sáu điểm	Đạt
49	049	Tô Huy	Hoàng	28/02/2005	K56D21BCA	Tuyên Quang	18	41	12	71	7.10	7.0	Bảy điểm	Đạt
50	050	Nguyễn Minh	Hoàng	22/06/2004	K56D21BL	Hà Nội	9	28	14	51	5.10	5.0	Năm điểm	Không đạt
51	051	Nguyễn Thị Minh	Huệ	25/05/2005	K1HLTT VO	Hà Nội	12	34	6	52	5.20	5.0	Năm điểm	Không đạt
52	052	Phùng Đức	Huy	26/12/2004	K1 QPAN	Hải Phòng	15	42	12	69	6.90	7.0	Bảy điểm	Đạt
53	053	Đặng Phương	Huy	10/02/2005	K1HLTT BC	Lào Cai	15	36	12	63	6.30	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
54	054	Nguyễn Văn	Huy	11/05/2005	K56D21BL	Hà Nội	13	36	12	61	6.10	6.0	Sáu điểm	Đạt
55	055	Xa Thanh	Hưng	29/11/2005	K56D21TD	Phú Thọ	12	36	10	58	5.80	6.0	Sáu điểm	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
							Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bằng chữ	
1	2	3		5	6	7	8	9		$11=(8+9+10)$	$12=(11:10)$	13	14	15
56	056	Nguyễn Xuân	Hung	29/09/2004	K55D20BDB	Hà Nội	17	38	12	67	6.70	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
57	057	Lục Quốc	Hung	13/02/2004	K55D20BRA	Cao Bằng	15	14	12	41	4.10	4.0	Bốn điểm	Không đạt
58	058	Phan Hải	Hung	28/08/2003	K55D20BRB	Son Tây	14	41	10	65	6.50	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
59	059	Trịnh Thị Thu	Hương	24/06/2005	K1HLTT CL	Tuyên Quang	14	37	12	63	6.30	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
60	060	Đỗ Trung	Kiên	31/01/2004	K1 QPAN	Hà Nội	15	45	12	72	7.20	7.0	Bảy điểm	Đạt
61	061	Hoàng Trung	Kiên	13/05/2004	K55D20BCA	Phú Thọ	16	44	10	70	7.00	7.0	Bảy điểm	Đạt
62	062	Bùi Tuấn	Kiên	23/12/2004	K55D20BCA	Phú Thọ	16	40	10	66	6.60	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
63	063	Trần Trung	Kiên	14/05/2004	K55D20VOA	Lào Cai	1	9	v		-	-	Vắng thi nói	
64	064	Vũ Quang	Khải	13/12/2003	K55D20BCA	Phú Thọ	14	38	14	66	6.60	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
65	065	Lê Gia	Khánh	24/03/2005	K1HLTT BR	Hà Nội	18	41	18	77	7.70	7.5	Bảy điểm rưỡi	Đạt
66	066	Nguyễn Việt	Khánh	27/09/2003	K55D20BLA	Phú Thọ	18	38	14	70	7.00	7.0	Bảy điểm	Đạt
67	067	Nguyễn Thị Thanh	Lam	23/10/2005	K1HLTT ĐK	Hà Tĩnh	18	40	14	72	7.20	7.0	Bảy điểm	Đạt
68	068	Trần Xuân	Lâm	28/09/1999	K56D21BDB	Hung Yên	18	38	14	70	7.00	7.0	Bảy điểm	Đạt
69	069	Vũ Khánh	Linh	14/02/2005	K1HLTT BC	Hung Yên	11	36	12	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
70	070	Hà Khánh	Linh	04/01/2004	K56D21TD	Cao Bằng	13	36	16	65	6.50	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
71	071	Bùi Quang	Long	23/04/2005	K56D21BCA	Phú Thọ	10	29	12	51	5.10	5.0	Năm điểm	Không đạt
72	072	Đình Đức	Lợi	28/02/2005	K56D21BDB	Phú Thọ	8	30	12	50	5.00	5.0	Năm điểm	Không đạt
73	073	Lý Duy	Lợi	19/07/2005	K56D21BL	Lào Cai	16	32	14	62	6.20	6.0	Sáu điểm	Đạt
74	074	Phí Công	Lục	03/04/2005	K56D21BR	Hung Yên	15	36	14	65	6.50	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
75	075	Hoàng Việt Vĩ	Ly	30/08/2004	K1HLTT ĐK	Bắc Giang	16	32	12	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
76	076	Vũ Thị Thu	Minh	05/06/2005	K1HLTT ĐK	Ninh Bình	16	38	14	68	6.80	7.0	Bảy điểm	Đạt
77	077	Sin Văn	Minh	31/01/2002	K55D20BCA	Lào Cai	13	33	12	58	5.80	6.0	Sáu điểm	Đạt
78	078	Bùi Tuấn	Minh	27/02/2005	K56D21BCB	Phú Thọ	11	29	12	52	5.20	5.0	Năm điểm	Không đạt
79	079	Trần Đức	Nam	13/09/2004	K55D20BDA	Yên Bái	10	36	14	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
80	080	Trịnh Hoài	Nam	03/12/2005	K1HLTT BDA	Lai Châu	11	36	12	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
81	081	Phạm Hải	Nam	07/11/2005	K56D21BCA	Lào Cai	9	37	12	58	5.80	6.0	Sáu điểm	Đạt
82	082	Lục Văn	Nam	21/09/2005	K56D21BL	Quảng Ninh	16	32	14	62	6.20	6.0	Sáu điểm	Đạt
83	083	Nguyễn Thành	Nam	23/12/2005	K56D21BR	Hà Nội	13	38	14	65	6.50	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
84	084	Lý Thị	Nghĩa	31/12/2005	K56D21ĐK	Lào Cai	13	37	14	64	6.40	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
							Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bằng chữ	
1	2	3		5	6	7	8	9	11=(8+9+10)	12=(11:10)	13	14	15	
85	085	Đoàn Thị	Ngọc	03/12/2003	K55D20CL	Hà Nội	8	26	14	48	4.80	5.0	Năm điểm	Không đạt
86	086	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	20/03/2005	K56D21BR	Ninh Bình	10	48	14	72	7.20	7.0	Bảy điểm	Đạt
87	087	Vũ Duy	Ngọc	16/08/2005	K56D21ĐK	Sơn La	7	39	14	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
88	088	Đỗ Trần	Nguyễn	03/01/2004	K55D20BRB	Hải Phòng	VPOCT						Vì phạm QCT	
89	089	Hoàng Thành	Nhất	13/05/2005	K56D21BCB	Nghệ An	10	38	16	64	6.40	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
90	090	Vũ Hồng	Phong	10/03/2005	K56D21CL	Bắc Ninh	10	40	16	66	6.60	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
91	091	Bùi Thị Minh	Phuong	15/09/2005	K1HLTT VO	Phú Thọ	5	12	12	29	2.90	3.0	Ba điểm	Không đạt
92	092	Phí Thái	Quảng	27/10/2002	K53D18BCB	Tuyên Quang	15	34	18	67	6.70	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
93	093	Nguyễn Minh	Quân	21/02/2005	K1HLTT BR	Quảng Ninh	7	39	12	58	5.80	6.0	Sáu điểm	Đạt
94	094	Phạm Minh	Quân	27/08/2005	K56D21BCA	Lào Cai	10	15	6	31	3.10	3.0	Ba điểm	Không đạt
95	095	Nguyễn Như	Quân	27/03/2005	K56D21TD	Nghệ An	9	11	6	26	2.60	2.5	Hai điểm rưỡi	Không đạt
96	096	Nguyễn Hồng	Quân	25/01/2005	K56D21VO	Nghệ An							Vắng thi	
97	097	Vi Minh	Quốc	29/12/2004	K55D20BB	Lạng Sơn	14	33	14	61	6.10	6.0	Sáu điểm	Đạt
98	098	Lường Văn	Quyền	03/02/2005	K56D21BCA	Điện Biên	12	22	6	40	4.00	4.0	Bốn điểm	Không đạt
99	099	Nguyễn Văn	Quyển	08/08/2005	K56D21BĐA	Quảng Ninh							Vắng thi	
100	100	Sin Văn	Quyết	14/03/2005	K56D21BL	Lào Cai	15	37	8	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
101	101	Bùi Thanh	Son	23/07/2005	K1HLTT BĐA	Hà Giang	14	35	10	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
102	102	Bùi Anh	Son	22/03/2005	K56D21BCA	Phú Thọ	17	29	12	58	5.80	6.0	Sáu điểm	Đạt
103	103	Vi Đức	Tài	20/04/2005	K56D21BCB	Nghệ An	15	33	12	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
104	104	Nguyễn Văn	Tấn	27/10/2005	K56D21CL	Hà Nội	14	39	12	65	6.50	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
105	105	Mai Hùng	Tiến	07/04/2004	K55D20ĐKA	Ninh Bình	17	36	12	65	6.50	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
106	106	Phạm Văn	Tiến	15/09/2005	K1HLTT ĐK	Hải Phòng	14	34	12	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
107	107	Mã Đức	Toản	13/11/2005	K56D21BCA	Lạng Sơn	18	44	16	78	7.80	8.0	Tám điểm	Đạt
108	108	Nguyễn Thanh	Tú	24/10/2003	K54D19 VO	Hải Phòng	11	44	8	63	6.30	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
109	109	Lê Quang	Tú	18/11/2005	K56D21ĐK	Hung Yên	19	37	14	70	7.00	7.0	Bảy điểm	Đạt
110	110	Bùi Vân	Tú	28/08/2004	K56D21TD	Hà Nội	15	32	16	63	6.30	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
111	111	Chu Anh	Tuấn	10/12/2005	K1HLTT CL	Thanh Hoá	15	32	16	63	6.30	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
112	112	Nguyễn Bá	Tuấn	23/05/2004	K55D20CL	Bắc Ninh	12	35	12	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
113	113	Nguyễn Anh	Tuấn	11/10/2005	K56D21ĐK	Hà Giang	12	35	12	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
							Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bằng chữ	
1	2	3		5	6	7	8	9		$11=(8+9+10)$	$12=(11:10)$	13	14	15
114	114	Đình Quang	Tùng	25/05/2004	K1HLTT BC	Hà Giang	2	23	6	31	3.10	3.0	Ba điểm	Không đạt
115	115	Lương Đức	Tùng	21/02/2004	K1HLTT BR	Bắc Ninh	14	35	14	63	6.30	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
116	116	Hoàng Công	Tuyền	27/01/2005	K1HLTT CL	Bắc Ninh	12	37	10	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
117	117	Vì Lương Ánh	Tuyết	08/10/2005	K56D21CL	Sơn La	5	23	14	42	4.20	4.0	Bốn điểm	Không đạt
118	118	Nguyễn Cung	Thành	30/12/2004	K55D20BĐA	Hà Nội	7	40	12	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
119	119	Trần Phương	Thảo	12/09/2005	K1HLTT BC	Nghệ An	10	38	12	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
120	120	Trịnh Việt	Thắng	25/02/2004	K1HLTT ĐK	Hà Nội	4	23	v				Vắng thi nói	
121	121	Lò Đức	Thắng	10/01/2003	K55D20BCA	Điện Biên	8	41	10	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
122	122	Nông Đức	Thắng	24/10/2003	K55D20BĐB	Hà Giang	7	40	12	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
123	123	Bùi Đình	Thiên	03/09/2004	K55D20BCA	Thanh Hoá	9	39	12	60	6.00	6.0	Sáu điểm	Đạt
124	124	Nguyễn Trường	Thọ	23/06/2004	K55D20BRA	Hà Nội	4	24	8	36	3.60	3.5	Ba điểm rưỡi	Không đạt
125	125	Bùi Thành	Thông	23/05/2004	K55D20BCA	Phú Thọ	6	7	12	25	2.50	2.5	Hai điểm rưỡi	Không đạt
126	126	Nguyễn Hà	Thu	05/05/2005	K56D21TD	Hà Nội	12	35	14	61	6.10	6.0	Sáu điểm	Đạt
127	127	Nguyễn Thị	Thủy	12/05/2005	K56D21TD	Phú Thọ	9	22	14	45	4.50	4.5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
128	128	Đỗ Thị Thu	Thúy	16/05/2005	K1HLTT VO	Hà Nội	9	23	12	44	4.40	4.5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
129	129	Vũ Thị	Thúy	09/06/2005	K56D21ĐK	Bắc Ninh	7	21	10	38	3.80	4.0	Bốn điểm	Không đạt
130	130	Nguyễn Văn	Thùy	05/11/2005	K1HLTT VO	Hà Nội	9	20	12	41	4.10	4.0	Bốn điểm	Không đạt
131	131	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/01/2004	K1HLTT ĐK	Phú Thọ	4	13	12	29	2.90	3.0	Ba điểm	Không đạt
132	132	Đình Thị	Thúy	19/08/2005	K56D21BR	Ninh Bình	9	39	16	64	6.40	6.5	Sáu điểm rưỡi	Đạt
133	133	Ma Phúc	Thuyết	27/02/2005	K56D21BĐA	Tuyên Quang	11	36	12	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
134	134	Hoàng Ngọc	Thức	18/07/2005	K56D21BCB	Cao Bằng	5	16	12	33	3.30	3.5	Ba điểm rưỡi	Không đạt
135	135	Quách Mai	Thương	18/09/2005	K1HLTT ĐK	Phú Thọ	7	22	14	43	4.30	4.5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
136	136	Nguyễn Thị Thanh	Trà	30/01/2005	K1HLTT BC	Phú Thọ	6	19	14	39	3.90	4.0	Bốn điểm	Không đạt
137	137	Phạm Thị Huyền	Trang	19/02/2004	K1 QPAN	Ninh Bình	9	38	14	61	6.10	6.0	Sáu điểm	Đạt
138	138	Nguyễn Yên	Trang	09/11/2005	K1HLTT ĐK	Hồ Chí Minh	8	23	16	47	4.70	4.5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
139	139	Quách Thị Thu	Trang	09/12/2005	K56D21TD	Phú Thọ	7	14	14	35	3.50	3.5	Ba điểm rưỡi	Không đạt
140	140	Phạm Đức	Trọng	20/06/2004	K1HLTT ĐK	Ninh Bình	6	13	14	33	3.30	3.5	Ba điểm rưỡi	Không đạt
141	141	Đồng Quốc	Trung	31/03/2003	K56D21BL	Phú Thọ	8	15	12	35	3.50	3.5	Ba điểm rưỡi	Không đạt
142	142	Ngô Quốc	Trung	24/06/2005	K56D21CL	Ninh Bình	5	22	12	39	3.90	4.0	Bốn điểm	Không đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa - lớp	Nơi sinh	Điểm thô Thang điểm 100				Điểm kết luận Thang điểm 10			Kết quả
						Nghe hiểu (20đ)	Đọc hiểu- viết (60đ)	Nói (20đ)	Tổng điểm	Chưa làm tròn	Đã làm tròn	Bằng chữ	
1	2	3	5	6	7	8	9		11=(8+9+10)	12=(11:10)	13	14	15
143	143	Lê Học Trung	15/12/2005	K56D21CL	Hà Nội	12	33	14	59	5.90	6.0	Sáu điểm	Đạt
144	144	Phạm Quốc Trường	07/10/2005	K1HLTT BR	Ninh Bình	6	21	12	39	3.90	4.0	Bốn điểm	Không đạt
145	145	Nguyễn Tiến Việt	15/11/2005	K56D21BĐB	Hà Nội	8	24	16	48	4.80	5.0	Năm điểm	Không đạt
146	146	Nguyễn Đức Việt	02/05/2005	K1HLTT BĐB	Hà Nội	8	23	12	43	4.30	4.5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
147	147	Đoàn Quốc Việt	01/12/2003	K1HLTT BĐB	Ninh Bình	4	20	12	36	3.60	3.5	Ba điểm rưỡi	Không đạt
148	148	Nguyễn Hoàng Việt	28/10/2005	K56D21BL	Hung Yên	4	15	10	29	2.90	3.0	Ba điểm	Không đạt
149	149	Ma Đức Việt	24/05/2005	K56D21TD	Tuyên Quang	7	12	12	31	3.10	3.0	Ba điểm	Không đạt
150	150	Lê Đình Vũ	23/12/2005	K1HLTT CL	Hà Nội	5	12	12	29	2.90	3.0	Ba điểm	Không đạt
151	151	Đình Hữu Vũ	27/09/2004	K55D20CL	Ninh Bình	6	19	8	33	3.30	3.5	Ba điểm rưỡi	Không đạt
152	152	Lý Thế Vũ	01/10/2005	K56D21BCB	Cao Bằng	9	22	14	45	4.50	4.5	Bốn điểm rưỡi	Không đạt
153	153	Nguyễn Ngọc Vũ	01/08/2005	K56D21BĐB	Nghệ An	6	17	12	35	3.50	3.5	Ba điểm rưỡi	Không đạt
154	154	Trần Xuân Vương	24/01/2004	K55D20BRB	Hà Nội	6	21	6	33	3.30	3.5	Ba điểm rưỡi	Không đạt

Ấn định danh sách tổng hợp điểm có : 154 thí sinh trong đó

- **Thí sinh đạt tương đương cấp độ B1 : 106**
- **Thí sinh không đạt tương đương cấp độ B1 : 39**
- **Thí sinh vắng thi : 06**
- **Vi phạm quy chế thi : 02**
- **Thí sinh hoãn thi : 01**

Ghi chú: Điểm kết luận đã làm tròn đến 0,5 cụ thể như sau:

- Số sau dấu chấm ≥ 0 và $< 0,25$ thì làm tròn về 0
- Số sau dấu chấm $\geq 0,25$ và $< 0,75$ thì làm tròn về thành 0,5
- Số sau dấu chấm $\geq 0,75$ thì làm tròn thành 1

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

NGƯỜI TỔNG HỢP

Nguyễn Duy Quyết

Nguyễn Thị Hoài Mỹ

Trần Thị Thanh Bình

